



TÂY TIẾN - QUANG DŨNG

I- Tiểu dẫn:

1- Tác giả:

- Quang Dũng (1921 – 1988), tên khai sinh là Bùi Đình Diệm
- Quê: Phượng Trì – Đan Phượng – Hà Tây
- Bản thân:
 - Học hết bậc thành trung ở Hà Nội
 - Sau cách mạng tháng Tám ông tham gia quân đội
 - Sau năm 1954 ông là biên tập viên, nhà xuất bản văn học
 - Quang Dũng là một người nghệ sĩ đa tài: thơ, nhạc, văn
 - Năm 2001, ông được tặng giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật
 - Đặc điểm thơ Quang Dũng: hồn thơ phóng khoáng hồn hậu lãng mạn và tài hoa

2- Tác phẩm:

- Có hai đặc điểm nổi bật: cảm hứng lãng mạn & tinh thần bi tráng.
- Hoàn cảnh sáng tác: cuối 1948
 - + Ở giai đoạn quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Pháp.
 - + Trong khí thế hào hùng của toàn dân tộc – Quang Dũng, đại đội trưởng của binh đoàn Tây Tiến – xa đơn vị cũ – nhớ → Tây Tiến.
- Ý nghĩa nhan đề Tây Tiến:
 - + Tên binh đoàn: Tây Tiến- là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào & đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở thượng Lào & Tây Bắc Bộ VN.
 - + Tiến về phía Tây.

II- Đọc hiểu:

Cả bài thơ là một nỗi nhớ da diết.

1- Nhớ về những chặng đường hành quân:



– Núi rừng miền Tây xa xôi, hoang vu dữ dội & đầy hiểm trở đe dọa.

+ Với những địa danh xa lạ: Sài Khao, Mường Lat, Mường Hịch,...

+ Với địa hình hiểm trở:

Dốc khúc khuỷu.

Thăm thẳm, heo hút.

Còn mây súng ngửi trời.

Ngàn thước lên cao – ngàn thước xuống.

→ Sử dụng từ lấy tượng hình, thanh trắc liên tục: câu thơ gân guốc, giàu tính tạo hình.

– Không chỉ dữ dội mà còn rất trữ tình:

+ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

+ Hoa về trong đêm hơi.

– Người lính Tây Tiến:

+ Hồn nhiên, tinh nghịch: súng ngửi trời (chất lính).

+ Coi cái chết nhẹ nhàng: gục lên súng mũ bỏ quên đời.

– Ngoài ra Tây Tiến còn là một vùng đất thấm đẫm tình người: cơm lên khói, thom nức xôi.

-> Sự hy sinh bi tráng của người lính Tây Tiến. Đoạn thơ miêu tả thiên nhiên núi rừng dữ dội và cuộc hành quân đầy gian khổ nhưng không kém phần thơ mộng. Tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp vừa hào hoa vừa lãng mạn của người lính TT.

2- Nhớ về những kỉ niệm đời lính:

– Những đêm hội đuốc hoa:

+ Bùng lên: ánh đuốc, niềm vui, vẻ đẹp dịu dàng e ấp của người thiếu nữ.

+ Người lính Tây Tiến: say cảnh, say người → chan hoà màu sắc, âm thanh tha thiết.

– Những chiều sương cao nguyên: thiên nhiên sông nước tuyệt đẹp.

+ Thiên nhiên tựa hồ cũng tình tứ, cũng có linh hồn như con người.



+ Đường như thiên nhiên và con người có sự sóng đôi, tạo nên chất thơ đậm thắm.

3- Nhớ về đồng đội – những chiến binh Tây Tiến:

– Hình hài tiêu tụy khác thường: da xanh màu lá, không mọc tóc → sự thật trần trụi, khốc liệt & rất tiêu biểu cho người lính thời kì chống Pháp.

– Khí thế dũng mãnh oai hùng: mắt trừng, dữ oai hùm → xây mộng chiến công, bảo vệ bình yên cho biên cương tổ Quốc.

– Tâm hồn mơ mộng, lãng mạn: gửi mộng, mơ Hà Nội đáng kiêu thơm.

– Tinh thần hi sinh quên mình vì Tổ Quốc:

+ Sử dụng từ Hán Việt trang trọng: biên cương, mồ viễn xứ → sự hi sinh, mất mát đau thương.

+ Chiến trường – chẳng tiếc đời xanh: quên mình dâng hiến.

+ anh về đất: sự hi sinh lặng lẽ hoá thân vào đất nước để trở thành bất tử.

+ Khúc độc hành của dòng sông Mã: thay mặt cho nhân dân đưa người lính về cõi vĩnh hằng.

– Sắt son một lời thề: gắn bó với một vùng đất chiến đấu với đồng đội thân yêu → cảm hứng bi hùng.

→ Hình ảnh người lính TT khắc khổ gian nan với bao hi sinh, mất mát mà vẫn lãng mạn hào hoa, hào hùng: vẻ đẹp bi tráng.

III- Kết luận:

Với bút pháp lãng mạn, cốt cách tài hoa và phong độ hào hùng của một nhà thơ chiến sĩ. Quang Dũng đã khắc hoạ vào trong một tượng đài bất tử bằng thơ về người chiến sĩ vệ quốc của dân tộc Việt Nam anh hùng.

PHÂN TÍCH BÀI THƠ TÂY TIẾN CỦA QUANG DŨNG

“Có một bài ca không bao giờ quên...”

Có một bài ca như thế. Cũng có những năm tháng không bao giờ quên, không phai mờ trong ký ức của nhiều thế hệ đã qua, hôm nay và mai sau.



Đó chính là những ngày tháng kháng chiến chống Pháp, khi toàn dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ với tất cả sức lực, niềm say mê. Chúng ta vừa qua nạn đói, vừa giành được độc lập thì thực dân Pháp trở lại xâm lược. Dấu ấn của nạn đói năm 45 vẫn còn, rất đậm, trong mỗi người Việt Nam. Tự do hay trở về cuộc đời cũ? Đây là câu hỏi day dứt bao người. Theo tiếng gọi của tự do, những người nông dân, công nhân, học sinh, những người mẹ, người chị tham gia kháng chiến, tạo nên hào khí dân tộc của một thời đại.

Trong những năm tháng đáng nhớ ấy, văn học dù chưa dám nói là đã ghi lại trọn vẹn bộ mặt đất nước, nhưng cũng đã ghi lại được hào khí của một thời với hình ảnh bao người mà hình ảnh trung tâm là người chiến sỹ cụ Hồ. Bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng cũng ra đời trong hoàn cảnh chung đó.

Bài thơ sáng tác tại Phù Lưu Chanh năm 1948 khi Quang Dũng đã chuyển đơn vị. Nhưng những ngày tháng sống và chiến đấu ở đoàn quân Tây Tiến là những kỷ niệm khó quên nên nỗi nhớ Tây Tiến da diết, còn cào trong lòng tác giả. Toàn bài thơ là một nỗi nhớ. Tác giả nhớ về cuộc sống gian khổ, nhớ về kỷ niệm những đêm liên hoan, về cái âm u hoang dã của rừng núi và in đậm nhất là nỗi nhớ của người lính Tây Tiến.

Ra đi kháng chiến khi còn là thanh niên, học sinh Hà Nội. Quang Dũng cũng như đồng đội tác giả trở thành người lính. Kỷ niệm làm người lính Tây Tiến đã xa mà lại gần, để khi trở lại, tác giả phải bật lên:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Câu thơ kết thúc bằng dấu chấm than cùng với âm hưởng của vãn ơ, tạo nên xúc cảm lớn. Hình ảnh đó là tiếng nói của Quang Dũng vang vọng đến đoàn quân Tây Tiến? Không! Đó là tiếng long của tác giả “Xa rồi Tây Tiến ơi” nhưng tấm lòng thì vẫn thiết tha lắm! Âm hưởng câu thơ có sức vọng làm cho tiếng lòng của Quang Dũng như xoáy sâu vào tâm hồn người đọc. Người đọc rung theo những xúc cảm do câu đầu mang lại để đến với nỗi nhớ Tây Tiến:

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Nỗi nhớ mới lạ lòng làm sao? “Nhớ chơi vơi!” Hình như trong ca dao ta cũng bắt gặp:

Ra về nhớ bạn chơi vơi

Nỗi nhớ “chơi vơi” là nỗi nhớ không định hình, khó nắm bắt đã diễn tả bằng lời. Nỗi nhớ ấy bao la, bát ngát lại có chiều sâu. Nói muốn tràn ra khỏi không gian để xoáy



vào lòng người. Một người ngoài cuộc hẳn không thể có nỗi nhớ ấy. Chỉ có Quang Dũng với nỗi lòng của mình mới có nỗi nhớ ấy mà thôi. Với tấm lòng tha thiết thì hẳn nỗi “nhớ chơi vơi” là điều hoàn toàn có lý. Cũng sử dụng vần “ơi!” câu thơ có sức lan tỏa rộng. Vần “ơi” lan ra theo nỗi nhớ “chơi vơi” của tác giả.

Thông thương thường khi nhớ về một điều gì, người ta thường nhớ đến những kỷ niệm đẹp để lại dấu ấn không quên. Quang Dũng nhớ đầu tiên là nhớ về rừng núi.

Nhớ về rừng núi...

Rừng núi là nơi xưa kia tác giả cùng đồng đội đã cùng sống, cùng chiến đấu. Rừng núi in đậm bao nỗi khổ, bao niềm vui nỗi buồn của người chiến sỹ. Hơn ai hết, tác giả là người trong cuộc, tác giả nhớ về rừng núi, những khó khăn gian khổ mà mình đã từng nếm trải:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi.

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Độc lên khúc khuỷu độc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Mặc dù cuộc sống gian khổ không phải điều nhà thơ chú trọng phác họa nhưng trước mắt ta vẫn hiện ra cái khắc nghiệt của rừng núi. Nhà thơ Tố Hữu đã từng có những câu thơ:

Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm

Mưa dầm cơm vắt

Máu trộn bùn non

Gan không núng, chí không mòn.

Tố Hữu mô tả thẳng cảnh sống người lính. Quang Dũng không làm thế. Quang Dũng chỉ mô tả cái hoang vu, hoang dã của một vùng rừng núi nhưng qua cảnh đó ai cũng hiểu rằng đời lính là như thế đó. Họ sống giữa thiên nhiên như vậy đó. Với những địa danh xa lạ “Sài Khao”, “Mường Lát”, “Pha Luông” rừng núi như càng trở nên xa ngái, hoang vu hơn. Hơn thế, cần phải nhớ rằng đoàn quân Tây Tiến hầu như toàn là những chàng trai trẻ Hà Nội theo tiếng gọi kháng chiến ra đi, nhiều người còn là



học sinh nên cảnh rừng núi càng xa lạ, đáng sợ hơn. Quang Dũng là người trong cuộc sống hiểu tâm lý ấy rất rõ.

Nỗi nhớ rừng núi bắt đầu bằng những cuộc hành quân:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Những cuộc hành quân đi qua và những cuộc hành quân mới lại tiếp nối trong cuộc đời người lính của Quang Dũng. Nhưng có lẽ cái mệt mỏi của những cuộc hành quân lần đầu sẽ không bao giờ đi qua cùng năm tháng cũng như rừng sương “Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi” sẽ in mãi dấu ấn, câu thơ chùng xuống, đều đều gọi lên sự mệt mỏi, bải hoải làm ta tưởng chừng như đoàn quân Tây Tiến sắp ngã, sắp chìm đi trong sương. Nhưng không, âm điệu bài thơ lại vút lên bởi một câu vắn bằng:

Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

Câu thơ ấy đã xóa đi cái mệt mỏi của đoàn quân Tây Tiến, để đoàn quân tiếp bước. Những khó khăn lại cứ rải trên đường người lính đi qua:

Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống.

Câu thơ với “khúc khuỷu” làm nên cảm giác hình như con đường đi khó khăn quá! “Đốc thăm thẳm” lại làm cho những khó khăn như nhiều hơn, dài ra theo tính chất “thăm thẳm” của con dốc và trên những đường dốc ấy. “Súng ngửi trời”. Chỉ riêng “heo hút cồn mây” đã gọi lên một không khí vắng vẻ, hoang sơ của rừng núi, súng ngửi trời cộng thêm vào cái vẻ đơn độc của người lính giữa đèo cao.

Những khó khăn gian khổ nhiều là thế nhưng lại nhẹ đi bởi câu thơ vắn bằng tiếp sau:

Nhà ai Pha luông mưa xa khơi.

Cứ như thế, những câu thơ vắn bằng xen giữa những câu thơ vắn trắc, âm hưởng đoạn thơ trở nên trùng điệp hơn, âm điệu ấy cứ theo suốt bài thơ, cùng với cách dùng từ cổ kính của Quang Dũng góp phần tạo nên nét lãng mạn mà hào hùng cho bài thơ.

Cả khổ thơ đầu là những khó khăn của vùng rừng núi, của thiên nhiên hoang sơ. Đứng trước bức tranh dữ dội ấy, ai cũng trầm nghĩ: vậy người lính sống như thế nào nhỉ?



Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Quang Dũng tả rất thực những khó khăn của cuộc kháng chiến mà đoàn quân Tây Tiến đã gặp nhưng không làm bài thơ trở nên bi thảm, lòng người bi quan mà chỉ đề nghị ca người lính. Tác giả lại tiếp tục đưa ta đến với người lính bằng ngòi bút rất thực ấy. Trước gian khổ, trên đường hành quân, nhiều người đã nằm lại mảnh đất xa lạ để không bao giờ tỉnh dậy:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa.

Nhưng anh hùng làm sao, những con người ngã xuống ấy! Người lính không chịu nổi khổ hy sinh nhưng cũng tìm được cho mình một tư thế chết của người chiến sỹ:

Gục lên súng mũ bỏ quên đời.

“Bỏ quên đời” chỉ là cách nói nhằm giảm nhẹ sự mất mát, tang thương khi người lính lìa trần. Nhưng hình ảnh sử dụng rất đặc là hình ảnh “gục lên súng mũ”. Ta chợt nhớ đến dáng đứng của anh giải phóng quân về sau:

Anh ngã xuống trong khi đang đứng bắn

Máu anh tuôn theo lửa đạn cầu vồng.

Dáng đứng của anh giải phóng quân mãi mãi đi vào lòng người dân trong kháng chiến chống Mỹ thì dáng ngã xuống gục xuống của anh lính cụ Hồ hẳn sẽ không phai mờ trong tâm hồn của Quang Dũng, của đoàn quân Tây Tiến và của những người tham gia kháng chiến. “Gục lên súng mũ” cũng là cách nói nhẹ và cũng là cách nói của những người thanh niên trí thức lúc bấy giờ. Người lính ra đi nhưng đồng đội anh lại tiếp bước.

Những khó khăn lại đến:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Hình như ai đó đã nói về cách sử dụng từ “Mường Hịch” của Quang Dũng. Địa danh đọc lên có cảm giác như tiếng chân cọp đi trong đêm. Rừng núi trở nên rờn rợn, nguyên vẻ hoang sơ của nó. Ở nơi xa xôi con người lần đầu đặt chân, thiên nhiên là



chủ thì khó khăn cũng như tăng lên gấp bội. Nhưng nét lạc quan, vui vẻ của người lính vẫn chẳng thể mất dọc cuộc hành trình:

Ôi nhớ Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

Quang Dũng lại nhớ về những kỷ niệm của những đêm liên hoan. Nhịp điệu câu thơ như có gì náo nức, rộn rã:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Cái dữ dội, hoang dã của thiên nhiên trong hai khổ thơ đầu như biến mất đi sau những kỷ niệm vui của đoàn quân Tây Tiến. Nét nghịch ngợm vui tươi của những chàng trai thanh niên Hà Nội xúng xính giả làm con gái cùng tiếng nhạc và vẻ e ấp giả vờ, câu thơ với hai chữ “kìa em” vừa mang vẻ ngạc nhiên vừa mang nụ cười thoải mái của người chiến sỹ. Những kỷ niệm vui đó hẳn sẽ không quên trong lòng người cũng như vẫn còn nguyên vẹn trong lòng Quang Dũng vậy. Cùng với sự vui tươi, người lính Tây Tiến còn sống với bản lĩnh lãng mạn, với tâm hồn giàu chất thơ, giàu cảm xúc của mình. Một dáng người trên độc mộc vào một buổi chiều sương, một khóm hoa đong đưa trên dòng nước lũ... tất cả đi vào nhẹ nhàng ch cho cả đoạn thơ.

Quang Dũng xa Tây Tiến nhưng khoảng thời gian ấy chưa lâu nên kỉ niệm Tây Tiến vẫn còn nguyên vẹn. Nổi nhớ “chơi vơi” trải khắp bài thơ nhưng đọng nhất vẫn là nỗi nhớ về người lính Tây Tiến. Có lẽ người lính Tây Tiến, hình ảnh của họ đã ăn sâu tận trong máu thịt của tác giả:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.



Câu thơ đầu hoàn toàn tả thực về người lính kháng chiến, nổi tiếng bởi tên gọi “Vệ trọc”. Giữa rừng núi hoang sơ, nạn sốt rét là nạn mà người lính thường mắc phải. Sốt rét đến nổi trọc cả đầu chỉ còn một vài sợi tóc thưa thưa, đến nổi da xanh xao “màu lá”.

Bệnh sốt rét ác nghiệt như Chính Hữu đã từng mô tả:

Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi.

Sốt rét là bệnh tiêu biểu thường gặp ở người lính, khi Quang Dũng nói về điều này, tác giả muốn nói cho ta biết, người lính Tây Tiến sống như thế đấy! Họ sống và chiến đấu với cả gian khổ, cả bệnh tật nữa. Giữa bao nhiêu khó khăn người lính vẫn:

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Nét dữ tợn của người chiến sỹ Tây Tiến ở đây không làm nhạt tí nào hình ảnh người lính Tây Tiến trong ta. Bệnh tật, yếu đau tưởng chừng làm người chiến sỹ yếu đuối nhưng ta bất ngờ vì dáng vẻ “dữ oai hùm” làm mất đi sự yếu đuối của “đoàn quân không mọc tóc” và của “quân xanh màu lá” giúp cho câu thơ trên tiếp tục:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

Đây chính là hai câu thơ tập trung nhất vẽ nên bức tranh người lính Tây Tiến và cũng là hai câu thơ hay nhất trong cả bài thơ. Người lính Tây Tiến sống với hình ảnh quê hương Hà Nội, chiến đấu với tương lai trước mặt. Hai câu thơ vừa mang nét lãng mạn của người chiến sỹ vừa có nét hào hùng. Mắt người lính “trừng” nhưng không hề mang nét dữ tợn, đây chỉ là quyết tâm của họ. Họ quyết tâm chiến đấu cho Tổ quốc, đất nước, điều này là điều tâm niệm của mỗi người. Nhưng người lính không đánh mất đi nét đẹp tâm hồn: sự mộng mơ. Hai câu thơ trên có thể đã bị đem ra chỉ trích cùng với bài thơ đó là buồn rớt, bi quan, là tiểu tư sản. Đành rằng câu thơ có thoáng nét buồn cũng như bài thơ có thoáng những nét buồn: nhưng buồn ở đây đâu có làm mất đi quyết tâm của người lính Tây Tiến. Quyết tâm đánh giặc và lãng mạn phải kết hợp hài hòa mới có thể tạo nên vẻ đẹp tâm hồn người chiến sỹ một cách sâu sắc. (Đây là điểm mà đã có một thời vì hoàn cảnh lịch sử, vì một lý do nào đó người ta đã quên đi hay cố tình quên đi). Người lính Tây Tiến chiến đấu cho ai? Mục đích của họ hướng tới là gì nếu không phải quê hương mà cụ thể là Hà Nội. Người lính mơ về Hà Nội, về người thiếu nữ Hà Nội thì chính những mộng mơ ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sỹ sống và chiến đấu. Hai câu thơ chính vì thế lãng mạn mà rất hào hùng!



Người lính Tây Tiến gặp bao nhiêu gian khổ. Dọc con đường hành quân bao người đã ngã xuống vì gian khổ, vì khắc nghiệt của rừng núi, vì đau ốm, bệnh tật và họ ngã xuống vì chiến đấu.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ.

Câu thơ đọc lên mà sao thấm quá. Bao người nằm lại nơi xa lạ không người qua lại, chẳng bao giờ trở về. Từ “rải rác” làm ta cảm giác người lính Tây Tiến ngã xuống, ngã xuống nhiều trong cuộc chiến đấu, làm ta cảm giác thấm thía cái lạnh khi những người phải từ giã cuộc đời. Từ “viễn xứ” tạo nên sự xa xôi, lạnh lẽo của rừng núi, gợi lên sự cô đơn của những người nằm lại. Câu thơ trầm xuống, xoáy vào lòng ta một nỗi buồn không thể thoát lên lời, ta tưởng chừng như câu thơ sau không thể cất lên nổi, nhưng ngược lại:

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Câu thơ nhẹ nhàng như không hề mang chút gì bi thảm của những năm mồ viễn xứ. Câu thơ trước tạo nên cái “bi” câu thơ sau tạo nên nét “tráng”. Cái không khí bi quan biến mất, chỉ còn lại nét ngang tang, chút thanh thản của người lính Tây Tiến “chẳng tiếc đời xanh” là cách nói của người thanh niên trí thức Hà Nội nhưng cũng mang cả quan niệm về lý tưởng chiến đấu, người lính biết rằng họ còn trẻ, họ chiến đấu có thể bị hy sinh. Đâu phải họ không tiếc cho tuổi trẻ. Không phải “tuổi trẻ là mùa xuân” đó sao! Nhưng cao hơn tuổi trẻ họ còn có tự do, quê hương. Con người hậu phương gửi gắm cả nỗi lòng của họ. Đó là lý tưởng tại sao người lính Tây Tiến chẳng tiếc đời xanh. Họ nằm xuống nhẹ nhàng:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Cách dùng từ “áo bào” làm câu thơ trở nên cổ kính hơn. Anh ra đi mãi mãi nhưng anh ra đi là do lẽ sống của mình mình sống mãi nên cái chết của anh nhẹ nhàng như “về đất” ngoài ý nghĩa làm giảm sự đau thương? Quang Dũng không muốn có bất cứ giọt nước mắt nào rơi trên thi hài người lính Tây Tiến. Người lính Tây Tiến sống lãng mạn, hào hùng thì chết cũng phải như vậy. Đây chính là lý do tác giả có ý sử dụng từ cổ kính và nói theo lối nói của người lính Tây Tiến. Quang Dũng muốn nói rằng người lính Tây Tiến chiến đấu là cho quê hương thì sự ra đi của họ cũng nhẹ nhàng, thanh thản: họ về với đất. Đất như người mẹ giang tay ôm đứa con yêu vào lòng và người chiến sỹ ngự trong vòng tay mẹ. Như vậy anh hy sinh ở nơi xa nhưng linh hồn anh vẫn về bên đất mẹ. Câu thơ vì thế mất đi sự bi thảm vốn có. Anh chiến sỹ chết đi, quê hương ôm anh vào lòng, sông núi hát lên tiễn đưa anh:



Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Không hề có tiếng khóc, giọt nước mắt tang thương. Chỉ có núi sông, đất mẹ chứng kiến cái chết của anh. Bóng dáng của anh hòa vào sông, hòa vào đất mẹ.

Người lính Tây Tiến ra đi nhưng hình ảnh của anh không bao giờ mờ phai trong tâm trí con người. Hình ảnh người lính và những kỷ niệm đậm mãi trong lòng Quang Dũng và mỗi chúng ta:

Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Bài thơ khép lại nhưng âm điệu vẫn mãi vang vọng trong tâm hồn ta. Nhịp điệu trùng điệp, nét lãng mạn hào hùng của bài thơ để lại dấu ấn trong ta. Có những tác phẩm đã gặp nhiều lần mà ta lại quên đi nhưng có những tác phẩm chỉ bắt gặp một lần lại sống mãi. Ấy là Tây Tiến!

Hình ảnh người lính Tây Tiến lung linh ngời sáng với cả hào khí dân tộc.

PHÂN TÍCH CẢM HỨNG LÃNG MẠN VÀ TINH THẦN BI TRÁNG TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN CỦA QUANG DŨNG

a. Giới thiệu

Tây Tiến là một trong những bài thơ hay nhất viết về người chiến sĩ cầm súng, bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu cho thơ ca Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.

Với bút pháp lãng mạn, với cốt cách tài hoa và phong độ hào hùng của một nhà thơ chiến sĩ, Quang Dũng đã chạm khắc vào thời gian, vào thơ ca, và lòng người hình ảnh chiến sĩ vô danh của Thăng Long – Hà Nội, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Là một thi phẩm xuất sắc đạt gần đến độ toàn bích, bài thơ Tây Tiến ở đoạn nào cũng có những câu đặc sắc, những hình ảnh thơ độc đáo. Nhưng sức hấp dẫn của bài thơ chính là vẻ đẹp của chủ nghĩa lãng mạn và tinh thần bi tráng khi khắc họa hình ảnh



người lính Tây Tiến – người lính cách mạng xuất thân từ thành thị tham gia vào cuộc kháng chiến gian khổ mà hào hùng của dân tộc.

b. Thân bài

* Cảm hứng lãng mạn:

– Khái niệm: Cảm hứng lãng mạn trong văn học là cảm hứng khẳng định cái tôi tràn đầy cảm xúc, hướng về lí tưởng. Nó đi tìm cái đẹp trong những cái khác lạ, phi thường độc đáo, vượt lên những cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hàng ngày, nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của trí tưởng tượng liên tưởng. Cảm hứng lãng mạn cũng thường tìm đến cách diễn đạt khoa trương, phóng đại, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và tạo được ấn tượng mạnh mẽ. Cảm hứng lãng mạn trong văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới, vẻ đẹp con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Cảm hứng lãng mạn đã trở thành cảm hứng chủ đạo trong sáng tác, nó nâng đỡ con người có thể vượt lên mọi thử thách trong máu lửa của chiến tranh gian khổ để hướng đến ngày chiến thắng.

– Biểu hiện

+ Cảm hứng lãng mạn thể hiện đậm nét trước hết ở cái tôi của Quang Dũng. Nó trào ra từ đầu bài thơ đầy ắp và mãnh liệt một nỗi nhớ – nhớ chơi vơi, một nỗi nhớ rất lạ, hình như nhẹ tênh mà nặng trĩu vô cùng, để rồi sau đó tuôn chảy ào ạt như một dòng suối trong suốt bài thơ.

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi”

Nỗi nhớ trải dài theo dòng sông Mã trùng điệp theo hình non thế núi. Nhớ đến hụt hẫng, trống vắng trong lòng người. Tây Tiến là một đoàn quân, nhưng tiếng gọi “ơi” lại trù mền như tiếng gọi với một người thân. Ba vần “ơi” như da diết vang vọng vào vách núi. Đó là nỗi nhớ của tác giả với Tây Bắc và đoàn quân Tây Tiến. Nỗi nhớ da diết, lan tỏa thấm đượm trong từng câu thơ, hình ảnh thơ. Cái tôi Quang Dũng có mặt khắp nơi, lảng động từng chỗ, từ cảnh chiến trường hiểm trở, hoang sơ đến cảnh sông nước thanh bình thơ mộng đến đêm hội đuốc hoa đầy màu sắc xư lạ phương xa, từ nỗi nhớ bản làng “Mai Châu mùa em thơm nếp xôi” đến “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm” thật hào hoa, lãng mạn.



+ Cảm hứng lãng mạn trong bài thơ Tây Tiến còn thể hiện đậm nét trong bút pháp lãng mạn. Những thủ pháp cường điệu, đối lập được sử dụng rộng rãi, sáng tạo đã tô đậm cái phi thường, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ về cái hào hùng, hùng vĩ và cái tuyệt mĩ của con người và thiên nhiên.

Thiên nhiên miền Tây Bắc qua ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng được cảm nhận với vẻ đẹp đa dạng, vừa độc đáo, vừa hùng vĩ dữ dội, vừa thơ mộng trữ tình, vừa hoang sơ mà ấm áp, làm say lòng người. Trí tưởng tượng bay bổng khiến thi nhân hình dung ra một “đêm hơi”, không chỉ có sương rừng ướt lạnh mà còn có cái lãng đãng, huyền ảo, cảm được cái oai linh của thần núi, thấy được cái “hồn lau nẻo bến bờ” và nghe thấu được cả tiếng “Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.

Nhà thơ nhớ những cuộc hành quân gian khổ qua những chặng đường núi non hiểm trở, thử thách ghê gớm với các chiến sĩ Tây Tiến vốn là những thanh niên đất Hà thành lần đầu tiên đến Miền Tây. Các tên bản, tên Mường như Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch... được nhắc đến không chỉ gợi bao nỗi nhớ vui đầy mà còn để lại nhiều ấn tượng về sự xa xôi, heo hút, hoang sơ. Nó vừa gợi ra sự gian nan, bí ẩn, thách thức, vừa gợi sự tò mò, háo hức của những chàng trai thành thị. Tất cả khung cảnh thiên nhiên đều được khắc họa với ấn tượng mạnh nhất. Đoàn binh hành quân trong sương mù ẩm ướt dày đặc đến mức che lấp cả đoàn quân. Nhưng ngay trong cảnh khắc nghiệt, người chiến sĩ Tây Tiến vẫn phát hiện ra vẻ đẹp của “hoa về trong đêm hơi”. Những bông hoa núi với hương thơm ngan ngát hiện ra dần dần mờ ảo qua đêm sương, qua cái nhìn say mê lãng mạn, khiến cái mệt mỏi của đoàn quân dường như tan biến. Bao đèo cao, dốc thẳm dựng thành phía trước mà người chiến sĩ Tây Tiến phải vượt qua:

Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Dốc lên thì khúc khuỷu, gập ghềnh, ngoằn ngoèo; dốc xuống thì thăm thẳm, dựng đứng. Câu thơ giàu chất tạo hình như họa lại một chặng đường hành quân hiểm trở. Dốc núi ngoằn ngoèo, dốc vút lên ngàn thước, rồi lại đổ xuống thẳng đứng ngàn thước. Câu thơ cũng gập ghềnh với nhiều thanh trắc và cách ngắt nhịp 4/3 bề gập câu thơ tạo thế núi hoang dại, khủng khiếp. Độ cao của dốc như được đo bằng hơi thở dồn dập của người lính vượt đèo, nên càng ấn tượng. Những đỉnh núi cao mù sương, cao vút như chạm mây, mây nổi thành cồn heo hút ở lưng trời. Mũi súng trên vai của của người chiến binh được nhân hóa tạo thành hình ảnh “súng ngửi trời” vừa



diễn tả được độ cao ngất, hoang sơ, lạ lẫm vừa hàm chứa vẻ đẹp tâm hồn người lính. Đó là chất tinh nghịch, hồn nhiên rất lính của người chiến binh Tây Tiến.

Thiên nhiên hoành tráng, hùng vĩ nhưng người lính không hề bị chìm đi mà vẫn nổi lên đầy thách thức. Nó khẳng định ý chí và quyết tâm của người chiến sĩ chiếm lĩnh mọi tầm cao để đi tới. Thiên nhiên núi đèo xuất hiện như để thử thách lòng người, người lính trèo lên đỉnh núi như đi trong mây quả cảm và lãng mạn vô cùng.

Cảnh đoàn quân đi trong mưa: “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi” thật dữ dội mà nên thơ. Mưa mật mù khiến những ngôi nhà sàn Pha Luông ở lưng chừng núi thấp thoáng trong mưa như bồng bềnh trên biển khơi. Câu thơ toàn thanh bằng gợi không gian mênh mông, ngập chìm trong mưa qua cái nhìn từ trên cao trải xuống. Trong màn mưa rừng, tầm nhìn của người lính Tây Tiến vẫn hướng về những bản mường, những mái nhà dân hiền lành, yêu thương, nơi các anh đã và đang đem máu xương và lòng dũng cảm để bảo vệ.

Gian khổ với các chiến sĩ còn là “thác gầm thét” dữ dội hòa với tiếng hú man dại, ghê gớm của thú rừng. “Cọp trêu người” như mang theo cái oai linh, bí ẩn của rừng đại ngàn. Vẻ hoang dại ấy không chỉ mở ra ở không gian cụ thể mà còn được khám phá ở thời gian “đêm đêm”, “chiều chiều”. Tác giả miêu tả thời gian, nhưng lại gợi được không gian núi rừng, lúc nào cũng âm u, hoang vu như trong bóng tối. Nó luôn là mối đe dọa sẵn sàng nuốt chửng con người. Đặc biệt họ toàn là những người lính trẻ thủ đô mới lần đầu rời thành phố đến rừng đại ngàn. Vì thế ấn tượng về Tây Bắc với những địa danh xa ngái, càng xa lạ, dữ dội, ác liệt, không kém cuộc đọ sức với quân thù. Nhưng cảnh ấy cũng càng kích thích chiến sĩ không ngại ngần xông pha với tinh thần hào hứng hăng say.

Đối lập với sự khắc nghiệt là vẻ đẹp tuyệt mỹ của thiên nhiên Tây Bắc. Vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên Tây Bắc như được kết bằng hoa rừng: “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”; “Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Đặc biệt đoạn thơ:

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

Tất cả gợi nhớ cảnh Châu Mộc trong một buổi chiều sương phủ trên dòng nước mênh mông, hoang dại thật huyền ảo. Cảnh vật như nhòe đi, như mềm mại và có hồn hơn. Chữ “ấy” ở câu trên và chữ “thấy” ở câu dưới bắt thành một vần lưng giàu âm điệu.



Hoa lau nở trắng sáng, lá lau lay động xào xạc trong gió vốn là những thi liệu cổ điển quen thuộc nhưng khi đi vào thơ của Quang Dũng như mang hồn lưu luyến của cảnh chia li. Nổi bật trên dòng nước là dáng uyển chuyển thanh tú trên thuyền độc mộc của các cô gái Tây Bắc. Hình ảnh “hoa dong đưa” vừa là hình ảnh tả thực: những bông hoa khẽ lay động dong đưa làng duyên trên dòng nước lũ vừa như ẩn dụ, gợi tả vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc như những bông hoa rừng dong đưa trên sông nước. Đó là những vần thơ thi trung hữu họa, khiến người đọc như lạc vào cái đẹp của cõi mơ. Mơ những rất thực, làm say lòng người, nhất là các chiến sĩ Tây Tiến lãng mạn, trẻ trung, nó ẩn chứa tình yêu sâu nặng với thiên nhiên đất nước của Quang Dũng và của các chiến sĩ Tây Tiến. Hình ảnh những cô gái Tây Bắc, những con người Tây Bắc được gợi nhớ trong bài thơ càng tô đậm thêm chất huyền bí, thơ mộng của núi rừng. Sau bao ngày đêm hành quân gian khổ, băng rừng vượt núi, trèo đèo lội suối, những người lính tạm dừng chân bên bản làng quây quần bên những nồi xôi bốc khói. Mùi thơm hương nếp mới và ấm tình quân dân đã xua tan bao nhọc nhằn gian khổ:

“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

Gói xôi ấm tình cô gái Mai Châu, những cô gái miền sơn cước xinh đẹp làm nhiệm vụ nuôi quân không quản ngại vất vả, hiểm nguy đã để lại trong lòng người lính trẻ một nỗi nhớ không nguôi. Nỗi nhớ cất lên thành lời tha thiết “Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói”. Hai chữ “mùa em” kết tinh cả hương nếp ngày mùa lẫn tình em ấm áp. Làng bản Mai Châu, bóng hình sơn nữ, hương nếp xôi quyện lại trong hình ảnh thơ thành nỗi nhớ ngọt ngào, băng khuâng, lãng mạn trong tâm hồn của người lính trẻ.

Những đêm liên hoan văn nghệ ở doanh trại bừng lên sôi nổi, vui tươi trong ánh lửa đuốc lung linh, trong âm thanh của tiếng kèn réo rắt, trong tâm hồn say sưa đắm đuối của người lính trẻ.

“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”

Ngọn đuốc rừng thấp sáng đêm liên hoan văn nghệ truyền thống đã thành “hội đuốc hoa” khiến khung cảnh tuy thiếu thốn mà rực rỡ lung linh bao ước mơ, hạnh phúc. Hai chữ “kìa em” diễn tả cái nhìn ngỡ ngàng đến say mê, rạo rực của người lính trẻ.



Hình ảnh các cô gái Tây Bắc bắt ngờ hiện ra lộng lẫy trong bộ áo xiêm rực rỡ dưới ánh đuốc lung linh nhưng vẫn giữ nguyên vẻ e ấp, tình tứ trong điệu múa lạ như múa sạp, múa xòe... trong tiếng khèn mang linh hồn của núi rừng càng trở nên lôi cuốn. Tâm hồn các chiến sĩ mộng mơ, lãng mạn. Nét đẹp những đêm liên hoan văn nghệ trên biên cương xa xôi như đã “xây hồn thơ” cho thấy tâm hồn trong sáng, giàu mộng mơ, giàu lí tưởng trong kí ức của chiến sĩ trẻ. Giọng thơ hân hoan, say mê hoài niệm nhưng nhớ một thời gian khổ mà hào hùng, lãng mạn đầy ấp nghĩa tình. Qua đó càng cho thấy đời sống tinh thần vô cùng trong sáng, phong phú, lãng mạn của đoàn quân Tây Tiến ở nơi chiến trường gian khổ ác liệt xưa.

Đặc biệt bức chân dung người lính Tây Tiến được vẽ những nét vẽ phi thường, khác lạ:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá giữ oai hùm”

Cả đoàn binh không mọc tóc ví sốt rét rừng khắc nghiệt, hoặc vì chủ trương cạo trọc tóc để tiện cho việc đánh giáp lá cà với địch. Quang Dũng không né tránh hiện thực của cuộc kháng chiến gian khổ này. Thơ ca kháng chiến chống Pháp cũng thường nói về căn bệnh sốt rét rừng: “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh. Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi” trong Đồng chí của Chính Hữu.

Nhưng Quang Dũng cảm nhận sự thật này trong cảm hứng lãng mạn, anh hùng nên khắc họa được vẻ đẹp kiêu dũng của người lính vượt lên xem thường mọi gian khổ thiếu thốn. Từ ngữ mạnh bạo mang âm hưởng mạnh mẽ. Chữ “đoàn binh” có âm vang và mạnh hơn chữ “đoàn quân”; còn “không mọc tóc” thì gợi nét ngang tàng, chủ động, hiên ngang lắm liệt của đoàn quân Tây Tiến trước hoàn cảnh.

“Quân xanh màu lá dữ oai hùm” là màu da xanh xao do sốt rét rừng, nhưng qua nét bút lãng mạn và cảm hứng anh hùng của Quang Dũng thì màu xanh ấy lại mang vẻ tươi xanh đầy sức sống của núi rừng. Hình ảnh “mắt trừng gửi mộng qua biên giới” gợi ánh mắt quyết liệt, hướng đến quân thù, khao khát giết giặc lập công cho tổ quốc. Nhưng bên ngoài dáng vẻ oai phong đó là tâm hồn trẻ trung, trong sáng, giàu mộng mơ. “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm” – lối diễn đạt này có vẻ cầu kì nhưng phù hợp với tâm hồn những người lính trẻ thu đô xa người yêu đi kháng chiến. Nhớ về các cô gái hà thành, bóng dáng những thiếu nữ Hà Nội yêu kiều thơ mộng không hề phai nhạt trong tâm hồn những người lính ngay cả trong khói lửa chiến tranh. Lãng mạn đó là vẻ đẹp lạc quan, yêu đời của những người lính xuất thân từ thành thị đi kháng chiến.



* Tinh thần bi tráng

– Khái niệm: bi tráng trong tác phẩm văn học được thể hiện ở việc miêu tả hiện thực, không né tránh cái bi, tức cái gian khổ, đau thương. Cái bi nhưng không phải là bi lụy mà là bi tráng, hào hùng. Là cái chết nhưng không bi lụy mà là cái chết hào hùng mãnh liệt, cái chết đi vào cõi bất tử. Cái bi thường được biểu hiện ở giọng điệu, âm hưởng, màu sắc tráng lệ hào hùng.

– Biểu hiện:

+ Tinh thần bi tráng trong bài thơ Tây Tiến thể hiện ở chỗ lời thơ không né tránh cái bi, thường đề cập đến cái chết, nhưng đó không phải là cái chết bi lụy mà là cái chết hào hùng, mãnh liệt, cái chết của người chiến sĩ đi vào cõi bất tử.

Trên nền thiên nhiên Tây Bắc dữ dội và huyền ảo, nhà thơ tô đậm hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hào hùng và hào hoa bằng bút pháp lãng mạn, nhưng không thoát li hiện thực và cảm hứng bi tráng. Bài thơ viết về chiến tranh, nhưng Quang Dũng không hề nói đến trận đánh, tiếng súng. Nhưng người đọc vẫn hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh. Bởi bài thơ viết nhiều về sự hi sinh của người lính. Nhưng bằng ngòi bút tài hoa lãng mạn và cảm hứng bi tráng, Quang Dũng đã miêu tả điều đó một cách thấm thía, xúc động, hào hùng. Cái chết, sự hi sinh bao giờ cũng gợi cảm xúc đau thương. Hình ảnh những nấm mồ “rải rác biên cương mồ viễn xứ” càng nhân lên cảm xúc bi thương đó, nhưng cách Quang Dũng dùng từ Hán Việt trang trọng đã khiến cái bi thương lạnh lẽo mờ đi. Hơn nữa câu thơ tiếp theo:

“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

Đã khẳng định mạnh mẽ khí phách của tuổi trẻ một thời không chỉ tự nguyện chấp nhận mà còn vượt lên cái chết, sẵn sàng dâng hiến cả sự sống, cả tuổi trẻ cho nghĩa lớn của dân tộc. Họ đã ra đi với tất cả lòng say mê của người thanh niên yêu nước, yêu lí tưởng, dâng hiến cả đời xanh, đời trai trẻ đầy hi vọng của mình cho tổ quốc. Đây không phải chỉ là cách nói của thơ ca mà thực sự đây là dũng khí tinh thần và hành động của nhiều thế hệ trong những năm kháng chiến. Với lí tưởng đánh giặc thanh thản đến lạ lùng như thế thì cái chết có nghĩa lí gì với họ.

Các tráng sĩ xưa ở chôn sa trường từng lấy da ngựa bọc thây làm niềm kiêu hãnh thì ở đây các chiến sĩ Tây Tiến với chiếc chiếu đơn sơ của đồng bào tặng hay chỉ bằng tấm áo dầm máu và mồ hôi của các anh cũng tạc nên sự hi sinh bất tử. Sự kết hợp một từ Hán Việt và một từ thuần Việt: “áo bào” khiến tấm áo liệm thân của liệt sĩ trở nên trang trọng. Sự hi sinh của các anh là “về đất”, về lòng đất mẹ thân yêu. Một sự hi sinh thầm lặng, thanh thản như một chiến sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ. Giây phút



vĩnh biệt đồng đội vang lên không phải bằng lời ngợi ca hay những giọt nước mắt, mà trong tiếng gầm của dòng Sông Mã như một “khúc độc hành” bi tráng. Dòng sông được nhân hóa như có linh hồn, có tâm trạng, cất lên tiếng khóc xót xa, thương tiếc, uất hận căm thù trong âm hưởng dữ dội, hào hùng của Sông Mã. Sự hi sinh của người lính Tây Tiến thấm đẫm tinh thần bi tráng và đậm đà chất sử thi. Và từ đây các anh đã hòa quyện vào cỏ cây, sông núi, trở thành hồn thiêng của đất nước. Bài thơ 3 lần nói đến cái chết, cái chết nào cũng đẹp, nhưng đẹp nhất là cái chết trang trọng này:

“Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

Sang trọng vì được bao bọc trong tấm chiến bào, được về tụ nghĩa với đất mẹ quê hương và nhất là được thiên nhiên tấu lên khúc nhạc dữ dội và oai hùng để tiễn đưa hương hồn các chiến sĩ. Ở đây thủ pháp nhân hóa và cường điệu đã đẩy chất bi tráng lên đến đỉnh cao, kì diệu của nó.

Chất bi tráng làm nên sắc diện bài thơ có mặt trong cả tác phẩm, nhưng nổi rõ và in dấu đậm nét nhất chính là đoạn Quang Dũng miêu tả chân dung người lính Tây Tiến. Những cặp hình ảnh đối lập giữa ngoại hình tiêu tụy với phong thái “dữ oai hùng”; giữa “mắt trừng” và “đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”; và nhất là sự đối lập giữa gian khổ, hi sinh với lí tưởng vì nước quên thân khiến sự hi sinh của người lính Tây Tiến trở nên cao đẹp bi hùng. Chiến trường Tây Tiến ác liệt hoang vu, nhiều thú dữ, bệnh sốt rét rừng gây nhiều tử vong... Nhiều chiến sĩ ngã xuống trên con đường hành quân là cái bi, là hiện thực khốc liệt của chiến trường, Quang Dũng đã không né tránh cái bi nhưng cái bi mang màu sắc, âm hưởng tráng lệ, hào hùng. Cái tráng này là của Quang Dũng và của cả một lớp trai trẻ sống với bầu máu nóng: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Cái tráng ấy lại gặp luồng gió yêu nước của thời đại anh hùng rực lửa nên càng hào hùng, rực rỡ. Đúng là bài thơ đã lột tả được cái khí phách của một thời đại và chấp cánh cho cái bi tráng bay lên như một nét đẹp hiếm có của một thời đại thơ.

c. Kết luận:

Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng bao trùm bài thơ làm nên vẻ đẹp riêng của Tây Tiến, nhưng điều đó do đâu mà có? Ở đây có sự gặp gỡ giữa hồn thơ lãng mạn, hào hùng của thi nhân cùng nhân vật trữ tình là những người lính Tây Tiến cũng hào hoa, lãng mạn, với cái thời anh hùng rực lửa của buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, và chiến trường Tây Tiến ác liệt, dữ dội nhưng lại rất thơ mộng, trữ



tình. Bốn yếu tố khách quan và chủ quan này như đã hội tụ mãnh liệt và da diết trong nỗi nhớ của Quang Dũng để trào ra cảm hứng lãng mạn và bất thành tinh thần bi tráng trong phút xuất thần của hồn thơ để sinh ra đứa con đầu lòng hào hoa tráng kiện – Tây Tiến.

Như vậy, cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng luôn gắn bó với nhau, nâng đỡ nhau, cộng hưởng với nhau làm nên linh hồn bất diệt của bài thơ và tạo nên vẻ đẹp độc đáo của chân dung người lính Tây Tiến và vẻ đẹp đặc sắc của thi phẩm. Có những bài thơ đã sống cuộc đời thăng trầm và cũng quá nhiều truân chuyên, nhưng cuối cùng cũng định hình trong lòng độc giả và khẳng định giá trị đích thực của mình trong thi ca. Tây Tiến của Quang Dũng là một tác phẩm như thế. Bài thơ nhớ lại như một kỉ niệm đẹp của thời kháng chiến, bởi đó là tiếng thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng của một thời đại anh hùng rực lửa, không thể nào quên. Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng đã làm nên vẻ đẹp riêng và giá trị bền vững của bài thơ Tây Tiến. Đó là vẻ đẹp của một thời hoa lửa hào hùng một đi không trở lại. Những tiếng thơ bi tráng và hồn thơ lãng mạn hào hoa của Quang Dũng đã kịp ghi lại và giữ cho đời một khung cảnh chiến trường đã đi vào lịch sử – một tượng đài bất tử bằng thơ về người lính vô danh ưu tú của dân tộc mà người đọc muôn đời yêu quý, tự hào.

SO SÁNH HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG HAI BÀI THƠ ĐỒNG CHÍ VÀ TÂY TIẾN

Mọi cuộc chiến tranh rồi sẽ qua đi, bụi thời gian có thể phủ dày lên hình ảnh của những anh hùng vô danh nhưng văn học với sứ mệnh thiêng liêng của nó đã khắc tạc một cách vĩnh viễn vào tâm hồn người đọc hình ảnh những người con anh hùng của đất nước đã ngã xuống vì nền độc lập của Tổ quốc trong suốt trường kỳ lịch sử.

Ở trong thơ Quang Dũng cũng đã dựng lên một bức tượng đài bất tử như vậy về người lính cách mạng trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược nước ta. Đó là bức tượng đài đã làm cho những người chiến sĩ yêu nước từng ngã xuống trong những tháng năm gian khổ ấy bất tử cùng thời gian.

Trong những năm tháng đáng nhớ ấy, văn học dù chưa dám nói là đã ghi lại trọn vẹn bộ mặt đất nước, nhưng cũng đã ghi lại được hào khí của một thời với hình ảnh bao người mà hình ảnh trung tâm là người chiến sĩ cụ Hồ. Bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng ra đời trong hoàn cảnh chung đó.



So sánh

– Điểm giống:

- Tây Tiến và Đồng Chí cùng ra đời năm 1948.
- Hai tác giả Quang Dũng và Chính Hữu đều cùng trong quân ngũ (nhà thơ quân đội). Cả hai sáng tác cùng nói về vẻ đẹp của người chiến sĩ thời chống Pháp.

– Khác:

Người lính trong Tây Tiến.

a) Xuất thân: Từ đô thành, chiến sĩ Tây Tiến (trong đó có tác giả) số đông ra đi từ Hà Nội thanh lịch. Họ là những thanh niên có học. Và vì vậy họ mới có lúc “Đêm mơ Hà Nội”.

b) Bối cảnh hoạt động: Người lính Tây Tiến hiện ra trong khung cảnh rừng núi miền Tây Tổ quốc vừa hùng vĩ, vừa hiểm trở, hoang dại khác thường. Đó là những “Đốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm”, “Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”; Đó là còn nơi “thác gầm thét, cọp trêu người” khiến cho có khi cả “đoàn quân mới” trong sương lấp, có lúc người lính “không bước nữa”...

c) Đặc điểm: Chiến binh Tây Tiến mang vẻ đẹp khác thường. Hình tượng các anh nổi lên vừa hào hùng, dữ dội lại vừa hào hoa, mơ mộng.

– Hào hùng, dữ dội trong dáng vẻ ngoại hình: Cả đoàn binh “không mọc tóc”, “dữ oai hùm” lại còn “mắt trừng” nữa. Các anh trở nên khác lạ sau những cơn sốt rét rừng ác liệt, sau những cuộc hành quân “vượt cồn mây”, “súng ngửi trời”. Đầu không còn tóc, người xanh xao nhưng người lính vẫn rất oai phong, vẫn như mang cả hồn thiêng của rừng thẳm.

– Hào hùng trong ý chí: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Các anh hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước không ngại ngần, tiếc nuối. Cái chết rình rập và “rải rác biên cương mồ viễn xứ” cũng không cản bước ra chiến trường giữ vững vùng đất biên giới Việt Lào.

– Hào hùng ngay trong cái chết:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành...



Người chiến sĩ về với đất trong hoàn cảnh có thể nói là rất buồn. Theo tác giả cho biết thì đồng đội ông ngã xuống, ngay manh chiếu bó thân cũng không có, nhưng sự ra đi vĩnh viễn đó thật anh hùng. Con sông Mã thay lời núi sông cất lên lời ai điều hùng tráng tiễn đưa người chiến sĩ.

- Hào hoa, mơ mộng ở tâm hồn, lãng mạn:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Tâm hồn phải hết sức hào hoa mới “gửi mộng qua biên giới” và mơ về dáng kiều thơm. Người chiến sĩ đẹp trong giấc mơ đẹp, mơ dáng kiều diễm, thanh lịch, quyến rũ của người phụ nữ thủ đô. Đối đầu với nhọc nhằn, chết chóc, anh vẫn không quên một dáng hình thanh thú, toả hương. Chính dáng hình này tiếp sức cho anh bộ đội đi tới.

Người lính trong Đồng chí:

a) Xuất thân: Đó là những người nông dân mặc áo lính. Các anh ra đi từ những làng quê nghèo:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

b) Bối cảnh hoạt động: Các anh cầm súng chờ đợi giặc nơi rừng hoang sương muối. Cảnh ở đây không rõ nét hiểm trở, hoang vu như vùng núi người lính Tây tiến hiện diện (với dốc, thác, nước lũ, cọp trêu người...)

c) Đặc điểm: Người chiến sĩ dưới ngòi bút Chính Hữu mang vẻ đẹp bình dị. Các anh hiện ra với dáng vẻ:

- Chất phác: Nhớ về quê hương, các anh nhớ về gian nhà trống, nhớ về giếng nước gốc đa rất đời quen thuộc. Còn người lính Tây Tiến nhớ quê hương là nhớ “dáng kiều thơm” có phần mỹ lệ, kiều sa hơn.

- Lam lũ: Trang phục của chiến sĩ trong Đồng chí có phần thiếu thốn. Hình ảnh thực của người nông dân mặc áo lính:

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày.



Như vậy bút pháp của Chính Hữu trong Đồng chí là bút pháp tả thực. Ông chú trọng vẻ đẹp của tình đồng chí – những người chung quân ngũ, chung lý tưởng chiến đấu. Còn Quang Dũng đã khái quát vẻ đẹp chung của người chiến sĩ Tây Tiến trên đường hành quân và hoạt động ở vùng biên giới xa xăm, nhiều hiểm trở.

Nhìn chung lại, tuy hai hình tượng người lính này mang những vẻ đẹp khác nhau (nông dân và trí thức, địa bàn hoạt động và quan hệ với nhân vật trữ tình...) nhưng làm hoàn chỉnh bức chân dung anh bộ đội Cụ Hồ trong buổi đầu tiến hành cuộc cách mạng kháng chiến chín năm chống Pháp.

Đồng chí – Chính Hữu

Bài thơ Đồng chí của Chính Hữu được độc giả yêu mến bởi tác giả đã diễn tả vô cùng tinh tế, chân thực tâm trạng của người lính ngoài mặt trận thời bấy giờ. Với thể thơ tự do, giàu nhạc điệu mà chủ yếu là nhạc điệu của nội tâm khiến cho thi phẩm vừa lắng đọng, vừa có sức âm vang lay động hồn người. Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết của những người nông dân mặc áo lính phải chịu cảnh nếm mật nằm gai, rét lạnh và sương muối nhưng không bao giờ khuất phục và nuôi trong tim ngọn lửa niềm tin mãnh liệt.

Tình đồng chí bắt nguồn từ cảnh ngộ xuất thân nghèo khổ. “Anh” với “tôi” đến từ những vùng quê khác nhau nhưng cùng chung sự nghèo khó của đất đai ruộng đồng. Dù “nước mặn đồng chua” hay “đất cày lên sỏi đá”, dù ở miền biển hay vùng đồi núi trung du thì đất ấy vẫn “đất không nuôi nổi người, người không nuôi nổi đất”. Không hẹn đợi, chẳng thân quen, thậm chí còn xa cách, vậy mà bỗng chốc trở thành đôi tri kỉ: “Súng bên súng đầu sát bên đầu/ Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

Những người nông dân mặc áo lính gặp nhau trong cuộc chiến đấu và đều đứng trong hàng ngũ người lính cụ Hồ. Cuộc kháng chiến của dân tộc đã xóa bỏ khoảng cách xa lạ giữa 2 người, làm thay đổi tất cả. Và hình ảnh “Đắp chung chăn” là biểu tượng cho tình thân hữu, ấm cúng. Hai câu thơ chỉ có một chữ “chung” nhưng cái chung đã bao trùm lên tất cả. Tình đồng chí bắt nguồn từ tình tri kỉ, từ những cái chung giữa anh và tôi. Hai từ “đồng chí!” đứng riêng một dòng thơ, có bố cục quan trọng trong ý nghĩa toàn bài, đánh dấu một mốc mới trong mạch cảm xúc, kết thúc quá trình hình thành tình đồng chí và cũng đồng thời mở ra một vùng trời đầy ắp tình cảm cao đẹp, thiêng liêng.

Đoạn thứ 2 của bài thơ bắt đầu bằng những dòng tâm sự nhớ nhà. Từ “mặc kệ” thể hiện sự vô tư của họ khi tạm gác việc gia đình, nhà cửa, nhưng cũng đượm chất lãng



mạn như muốn nâng đỡ người lính vượt lên khỏi hoàn cảnh bất đắc dĩ, khiến người đọc thoáng chút se lòng.

“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” Đến câu thơ này chữ “nhớ” mới bắt đầu xuất hiện nhưng nỗi nhớ nhung làng xóm, gia đình đã tràn ngập cả bài. Tình đồng chí trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết trong cuộc sống khó khăn, thiếu thốn của những buổi đầu kháng chiến. Câu thơ giúp người đọc hiểu thêm rằng: Sự cảm thông tri kỉ bắt nguồn từ mọi chi tiết đời sống. “Anh” và “tôi” cùng nếm trải cuộc đời của những người vào sinh ra tử, trải qua những thiếu thốn, khó khăn có thực, có thể mới hiểu được sức mạnh của tình đồng chí, một điểm tựa tinh thần vững chãi. “Miệng cười buốt giá, chân không giày/Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Đây là cái nắm tay niềm tin, nghị lực, nắm tay để khích lệ, động viên nhau vượt qua hoàn cảnh và là lời hứa sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thi phẩm kết lại bằng vẻ đẹp thăng hoa của tình đồng chí: “Đêm nay rừng hoang sương muối/ đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới/ Đầu súng trăng treo”. Có thể nói, đây là hình ảnh đẹp nhất của người lính trong thơ ca kháng chiến tạo nên vẻ đẹp tâm hồn người lính, vẻ đẹp tâm hồn thi nhân và tạo dư âm trong lòng người

Tây Tiến – Quang Dũng

Quang Dũng viết “Tây Tiến” vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh, một làng ven con sông Đáy hiền hòa. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ: nhớ đồng đội thân yêu, nhớ đoàn binh Tây Tiến, nhớ bản mường và núi rừng miền Tây, nhớ kỉ niệm đẹp một thời trận mạc...

Hai câu thơ đầu nói lên nỗi nhớ, nhớ miền Tây, nhớ núi rừng, nhớ dòng sông Mã thương yêu:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi”

Đã “xa rồi” nên nỗi nhớ không thể nào nguôi được, nhớ da diết đến quặn lòng, đó là nỗi nhớ “chơi vơi”. Tiếng gọi “Tây Tiến ơi” vang lên tha thiết như tiếng gọi người thân yêu. Từ cảm “ơi!” bắt vần với từ láy “chơi vơi” tạo nên âm hưởng câu thơ sâu lắng, bồi hồi, ngân dài, từ lòng người vọng vào thời gian năm tháng, lan rộng lan xa trong không gian. Hai chữ “xa rồi” như một tiếng thở dài đầy thương nhớ, hô ứng với điệp từ “nhớ” trong câu thơ thứ hai thể hiện một tâm tình đẹp của người chiến binh Tây Tiến đối với dòng sông Mã và núi rừng miền Tây. Sau tiếng gọi ấy, biết bao hoài niệm về một thời gian khổ hiện về trong tâm tưởng.



Những câu thơ tiếp theo nói về chặng đường hành quân đầy thử thách gian nan mà đoàn binh Tây Tiến từng nếm trải. Các tên bản, tên mừng: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu... được nhắc đến không chỉ gợi lên bao thương nhớ vơi đầy mà còn để lại nhiều ấn tượng về sự xa xôi, heo hút, hoang dã, thâm sơn cùng cốc,... Nó gợi trí tò mò và háo hức của những chàng trai “Từ thuở mang gươm đi giữ nước – Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long”. Đoàn binh hành quân trong sương mù giữa núi rừng trùng điệp:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,
Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

Bao núi cao, đèo cao, dốc thẳng dựng thành phía trước mà các chiến sĩ Tây Tiến phải vượt qua. Dốc lên thì “khúc khuỷu” gập ghềnh, dốc xuống thì “thăm thẳm” như dẫn đến vực sâu. Các từ láy: “khúc khuỷu”, “thăm thẳm”, “heo hút” đặc tả gian khổ, gian truân của nẻo đường hành quân chiến đấu: “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm – Heo hút cồn mây súng ngửi trời!”. Đỉnh núi mù sương cao vút. Mũi súng của người chiến binh được nhân hóa tạo nên một hình ảnh: “súng ngửi trời” giàu chất thơ, mang vẻ đẹp cảm hứng lãng mạn, cho ta nhiều thi vị. Nó khẳng định chí khí và quyết tâm của người chiến sĩ chiếm lĩnh mọi tầm cao mà đi tới “Khó khăn nào cũng vượt qua – Kẻ thù nào cũng đánh thắng!”. Thiên nhiên núi đèo xuất hiện như để thử thách lòng người: “ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”. Hết lên lại xuống, xuống thấp lại lên cao, đèo nối đèo, dốc tiếp dốc, không dứt. Câu thơ được tạo thành hai vế tiểu đối: “Ngàn thước lên cao” và “ngàn thước xuống”, hình tượng thơ cân xứng hài hòa, cảnh tượng núi rừng hùng vĩ được đặc tả, thể hiện một ngòi bút đầy chất hào khí của nhà thơ – chiến sĩ.

Có cảnh đoàn quân đi trong mưa: “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Câu thơ được dệt bằng những thanh bằng liên tiếp, gợi tả, sự êm dịu, tươi mát của tâm hồn những người lính trẻ, trong gian khổ vẫn lạc quan yêu đời. Trong màn mưa rừng, tầm nhìn của người chiến binh Tây Tiến vẫn hướng về những bản mường, những mái nhà dân hiền lành và yêu thương, nơi mà các anh sẽ đến, đem xương máu và lòng dũng cảm để bảo vệ và giữ gìn.

Tám câu thơ trên đây là phần đầu bài “Tây Tiến”, một trong những bài thơ hay nhất viết về người lính trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Bức tranh thiên nhiên hoành tráng, trên đó nổi bật lên hình ảnh chiến sĩ can trường và lạc quan, đang dần thân vào máu lửa với niềm kiêu hãnh “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh...”. Đoạn thơ để lại một dấu ấn đẹp về thơ ca kháng chiến mà sự thành công, là kết hợp hài hòa



giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Nửa thế hệ đã trôi qua, bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng vẫn còn chỗ đứng trong lòng độc giả.

Kết luận

Cho dù xuất thân từ đâu, từ những người nông dân bình dị chân chất, hay là những chàng trai trí thức trẻ tài hoa một khi đã gác lại mọi thứ vác súng trên vai thì mọi thứ trở nên thật hào hùng. Nguyễn từ bỏ những khát vọng cá nhân để hòa vào khát vọng của toàn dân tộc. Khát vọng tự do hòa bình. Hình ảnh người lính nông dân và người lính trí thức đã hòa quyện vào nhau, tạo nên bức tranh sinh động đa dạng về những người lính ra đi vì nghĩa lớn, tạo nên vẻ đẹp bất hủ sống mãi cùng thời gian để bây giờ khi nhìn lại vẫn thấy khí thế hào hùng của một thời anh hùng đấu tranh bất khuất

Nhận xét, đánh giá Tây Tiến - Quang Dũng

"Với cảm hứng và ngòi bút tài hoa, Quang Dũng đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền tây hùng vĩ, dữ dội và mĩ lệ. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ còn có sức hấp dẫn lâu dài đối với người đọc."

Trong sách "Những bài văn hay" của GS. Nguyễn Đăng Mạnh & PTS. Trần Đăng Xuyên có đoạn:

"Cảm xúc bao trùm toàn bộ bài thơ là một nỗi nhớ: “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”... Qua nỗi nhớ ấy, hình ảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, hiểm trở và dữ dội hiện lên như một bức tranh hoành tráng. Và trong bài, người viết không che giấu những gian khổ, hy sinh của người lính Tây Tiến. Chỉ có điều, nó được thể hiện bằng một ngòi bút lãng mạn. Qua cái nhìn của nhà thơ, cái bi bỗng trở thành cái hùng (bi tráng)”.

GS Hà Minh Đức đánh giá:

“Tây Tiến là một sáng tác có giá trị về tư tưởng, về nghệ thuật. Bài thơ được viết ra với những màu sắc thẩm mỹ phong phú. Có cái đẹp hùng tráng của núi rừng hiểm trở, và vẻ đẹp bình dị nên thơ của cuộc sống nơi bản làng quê hương, có cảm hứng mạnh mẽ hòa hợp với chất trữ tình nhẹ nhàng mềm mại trong thơ. Đặc biệt Tây Tiến là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và của tâm hồn. Mỗi đoạn thơ mang một nhạc điệu riêng vừa mạnh mẽ, vừa uyển chuyển khi đưa người đọc về với những kỉ niệm xa nên thơ và gọi cảm. Nhà thơ Xuân Diệu có lần đã cho rằng đọc bài thơ Tây Tiến như ngâm âm nhạc trong miệng...”



SO SÁNH HÌNH ẢNH CỦA ĐOÀN QUÂN TÂY TIẾN VÀ VIỆT BẮC

Đề bài: Cùng tái hiện vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận mỗi nhà thơ lại có cách khám phá và thể hiện riêng:

Trong bài “Tây Tiến”, Quang Dũng viết:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”.*

(“Tây Tiến” – Quang Dũng)

Trong thi phẩm “Việt Bắc”, Tố Hữu viết:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.*

(“Việt Bắc” – Tố Hữu).

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ trên?

HƯỚNG DẪN LÀM:

Khái quát chung:

Giới thiệu Quang Dũng, Tố Hữu và hai tác phẩm:

+ Quang Dũng là gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca kháng chiến chống Pháp, với hồn thơ hào hoa, lãng mạn thấm đượm tình đồng bào đồng chí. “Tây Tiến” là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Quang Dũng. Bài thơ được tác giả viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh khi ông đã xa đơn vị Tây Tiến một thời gian.

+ Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc, thơ của ông song hành cùng những chặng đường của cách mạng Việt Nam. Bài thơ “Việt Bắc” là một thành công đặc biệt trong đời thơ Tố Hữu. Tác phẩm vừa là bản tình ca về tình cảm cách mạng – giữa đoàn



cán bộ miền xuôi với nhân dân Việt Bắc, vừa là bản hùng ca về cuộc kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ mà vẻ vang của dân tộc.

Hai đoạn trích được trích từ hai bài thơ đều tái hiện vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận, song mỗi nhà thơ lại có những cách khám phá, cách thể hiện riêng.

Trình bày cảm nhận:

A. Đoạn thơ trong bài thơ “Tây Tiến”:

*Vẻ đẹp bi thương vừa hào hùng của đoàn quân Tây Tiến trên đường hành quân:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm”.

Cái bi thương của người lính được gợi lên từ ngoại hình ốm yếu, tiêu tụy, đầu trọc, da dẻ xanh như màu lá.

+ Sở dĩ người lính Tây Tiến đầu trọc da xanh là do hậu quả của những tháng ngày hành quân vất vả vì đói và khát, là dấu ấn của những trận sốt rét ác tính.

+ Hình ảnh “đoàn binh không mọc tóc” không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng mà nét vẽ này xuất phát từ 1 hiện thực trong cuộc sống của người lính Tây Tiến: họ phải cạo trọc đầu để giảm bớt những bất tiện trong sinh hoạt ở rừng và để tạo thuận lợi trong đánh trận; có khi những cái đầu không mọc tóc kia là hậu quả của những trận sốt rét liên miên nơi rừng thiêng nước độc. Và dù hiểu theo cách nào thì đó cũng là hình ảnh gợi lên sự gian khổ thiếu thốn, khắc nghiệt của chiến tranh. Tuy nhiên với cách diễn đạt độc đáo của Quang Dũng, người lính Tây Tiến hiện lên không tiêu tụy, nhếch nhác mà kiêu dũng, ngang tàng. Nói về họ, Quang Dũng vẫn dùng từ “đoàn binh” – gợi cảm giác về 1 đội ngũ đông đảo, hùng hực khí thế.

+ Hình ảnh “quân xanh màu lá” ở đây có thể hiểu là màu xanh áo lính hay màu xanh của lá ngụy trang khiến cho cả đoàn quân xanh màu lá. Nhưng theo mạch thơ có lẽ còn nên hiểu đây là câu thơ miêu tả gương mặt xanh xao, gầy yếu vì sốt rét rừng, vì cuộc sống kham khổ. Ở đây, cách diễn đạt của của Quang Dũng khá tinh tế khi miêu tả đoàn quân “xanh màu lá” chứ không phải xanh xao, người lính do đó mà như hài hòa cùng với thiên nhiên, ốm mà không yếu, ốm mà vẫn trẻ trung, vẫn tràn đầy sức sống.

Đặc biệt, kết hợp từ “dữ oai hùm” gợi cho người đọc thấy trên gương mặt xanh xao, gầy ốm của người lính vẫn toát lên vẻ dữ dội, kiêu hùng của những con hổ nơi rừng thiêng. Dường như, ở miền đất hoang sơ, bí ẩn có bóng hổ rình rập, đe dọa với “cọp



trêu người” thì người lính cũng có “oai hùng” dữ dội, uy nghi để chế ngự và chiến thắng.

Liên hệ: Những cơn sốt rét rừng ấy không chỉ có trong thơ Quang Dũng mà còn để lại dấu ấn đau thương trong thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung. Thơ ca thời kỳ kháng chiến khi viết về người lính thường nói đến căn bệnh sốt rét hiểm nghèo:

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi”

(“Đồng chí” – Chính Hữu)

“Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế”.

(“Cá nước” – Tố Hữu).

Sau này một nhà thơ trẻ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cũng viết về căn bệnh sốt rét rừng của những người lính bằng những vần thơ tê tái:

“Nơi thuốc súng trộn vào áo trận
Cơn sốt rừng đi dọc tuổi thanh xuân”.

*Cái hào hoa:

+ Thủ pháp nghệ thuật đối lập giữa ngoại hình ốm yếu và tâm hồn bên trong đã làm nên khí chất mạnh mẽ của người lính. “Không mọc tóc” là cách nói ngang tàn rất lính, hóm hỉnh đùa vui với khó khăn gian khổ của mình.

+ Thể hiện qua cách dùng từ Hán Việt “đoàn binh”. Chữ “đoàn binh” chứ không phải “đoàn quân” đã gợi lên được sự mạnh mẽ lạ thường của sự hùng dũng. Ba từ “dữ oai hùng” gợi lên dáng vẻ oai phong lẫm liệt, oai của chúa sơn lâm. Qua đó ta thấy người lính Tây Tiến mạnh mẽ làm chủ tình hình, làm chủ núi rừng, chế ngự mọi khắc nghiệt xung quanh, đập bằng mọi gian khổ. “mắt trừng” là đôi mắt dữ tợn, căm thù, mạnh mẽ, nung nấu quyết đoán làm kẻ thù hoảng sợ.

*Họ còn là những chàng trai Hà Nội hào hoa, lãng mạn:

“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới



Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”.

+ “Mắt trùng gửi mộng qua biên giới” là đôi mắt thao thức về quê hương Hà Nội, về một dáng kiều thơm trong mộng. Mộng và mơ gửi về hai phía của chân trời: biên giới và Hà Nội.

Người lính TT không chỉ biết cầm súng cầm gươm theo tiếng gọi của non sông mà giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động, nhớ nhung về vẻ đẹp của Hà Nội: đó có thể là phố cũ, trường xưa,... hay chính xác hơn là nhớ về bóng dáng của những người bạn gái Hà Nội yêu kiều, diễm lệ. Đó chính là động lực tiếp thêm sức mạnh để họ vững vàng tay súng, sẵn sàng cống hiến, hi sinh để bảo vệ Tổ Quốc, vì mục tiêu lí tưởng cao đẹp: “Quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh”.

B. Đoạn thơ trong bài thơ “Việt Bắc”:

*Vẻ đẹp hào hùng của đoàn quân:

“Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng”

+ Đại từ sở hữu “của ta” vang lên một cách đĩnh đạc thể hiện niềm tự hào của những con người được làm chủ đất nước, đồng thời khẳng định Việt Bắc là chiến khu tự do.

+ Không khí sôi nổi của những ngày chiến dịch được tác giả tái hiện sinh động qua những từ ngữ, hình ảnh: rầm rập, đất rung, những từ láy: điệp điệp, trùng trùng. Hai chữ “rầm rập” vừa gợi âm thanh, vừa tạo hình ảnh. Biện pháp nghệ thuật so sánh, tượng trưng được tác giả sử dụng triệt để giúp ta cảm nhận hình ảnh những đoàn quân đang ngày đêm tiến về mặt trận. Mỗi bước đi của đoàn quân ấy mang cả sức mạnh của lòng yêu nước, của lí tưởng cách mạng, khát khao chiến đấu và chiến thắng quân thù.

*Vẻ đẹp lãng mạn:

“Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.

Đây có thể là hình ảnh sao trời treo trên đầu súng của những người lính trong mỗi đêm hành quân, cũng có thể là ánh sáng của ngôi sao gắn trên chiếc mũ nan của người lính, ánh sáng của lí tưởng cách mạng soi cho người lính bước đi. Họ là những



con người có lí tưởng cao cả, đẹp đẽ, sẵn sàng cống hiến vì sự nghiệp chung. Ý thơ khiến người đọc liên tưởng đến hình ảnh “Đầu súng trắng treo” trong thơ Chính Hữu.

C. So sánh hai đoạn thơ:

Giống nhau: Điều khắc họa người lính với vẻ đẹp vừa hào hùng, vừa lãng mạn, bay bổng.

Khác nhau:

+ Trong đoạn thơ thuộc bài thơ “Tây Tiến”, vẻ đẹp hào hùng của người lính phảng phất sự bi thương.

+ Trong đoạn thơ thuộc bài thơ “Việt Bắc”, vẻ đẹp lãng mạn của người lính còn được Tố Hữu gắn liền với hiện thực.

Cả hai tác giả đều có trải nghiệm từ thực tế chiến đấu nên thơ đều có chất hiện thực. Bên cạnh đó, Quang Dũng là một chàng trai rất hào hoa nên thơ ông có cái lãng mạn rất riêng; còn ở Tố Hữu, thơ ông là thơ trữ tình chính trị, luôn có cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào cách mạng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Hai đoạn thơ bên cạnh những điểm tương đồng còn có những nét riêng độc đáo, thể hiện tài năng của hai nhà thơ.

Khẳng định vị trí của hai tác giả trong nền văn học cũng như trong lòng độc giả.

SO SÁNH TÂY TIẾN VÀ TRÀNG GIANG

Cảm nhận về đẹp thiên nhiên miền Tây thông qua đoạn trích thơ sau:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

(Trích Tây Tiến, Quang Dũng, Ngữ văn 12 – Nâng cao, Tập một NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.68 – 69)



Từ đó liên hệ với khổ thơ sau trong bài thơ Tràng giang để làm rõ quan niệm “thi trung hữu họa” thể hiện trong hai đoạn trích thơ này.

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên cao chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

(Trích Tràng giang, Huy Cận, Ngữ văn 11 – Nâng cao, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.49)

Yêu cầu cơ bản của đề là: “Cảm nhận về đẹp thiên nhiên Tây Bắc” thông qua đoạn trích thơ: Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/ .../ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Còn yêu cầu nâng cao là “đó liên hệ với khổ thơ sau trong bài thơ Tràng giang” nhằm mục đích “bình luận về quan niệm ‘thi trung hữu họa’”.

HS tham khảo gợi ý dưới đây:

Giới thiệu đôi nét về Quang Dũng, Tây Tiến và đoạn trích thơ trong đề

– Quang Dũng (1921 – 1988) là một nhà thơ tài hoa xứ Đoài mây trắng. Đọc thơ ông, người đọc luôn cảm nhận được một tâm hồn phóng khoáng, hào hoa và lãng mạn.

– Bài thơ Tây Tiến được ông viết vào năm 1948 tại Phù Lưu Chanh. Cảm hứng bài thơ bắt nguồn từ nỗi nhớ da diết về đơn vị cũ (Tây Tiến). Ban đầu bài thơ có tên là Nhớ Tây Tiến nhưng về sau đổi thành Tây Tiến và in trong tập thơ Mây đầu ô (1986).

– Đoạn trích thơ: Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/ Heo hút cồn mây súng ngửi trời/ Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống/ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi là một trong những đoạn thơ ấn tượng của bài thơ. Không bởi chỉ vì nó lột tả được vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên núi rừng Tây Bắc mà còn ở giá trị nghệ thuật của nó.

Yêu cầu cơ bản: Cảm nhận về đẹp thiên nhiên Tây Bắc thông qua đoạn trích thơ đề bài yêu cầu:

– Không gian ở câu thơ “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm” mở ra theo chiều cao và độ sâu. Vì sao? Vì điệp từ dốc, cách ngắt nhịp 4/3 tách biệt hai vế (Dốc lên khúc khuỷu/dốc thăm thẳm) gợi địa hình cao mà chỉ toàn dốc là dốc. Bên cạnh đó, từ lấy khúc khuỷu gợi hình ảnh những con đường triền dốc ngoằn ngoèo, quanh co hoặc



những lát cắt địa hình núi trẻ (núi trẻ là địa hình núi điển hình của vùng núi Tây Bắc); từ lách thăm thăm vừa gợi ra độ cao, vừa gợi ra chiều sâu thăm thăm. Một trong những điểm thành công của câu thơ này là cách dùng từ lách giàu nhạc tính (chủ yếu là thanh trắc, nhịp điệu nhanh và mạnh) vừa giàu hình ảnh.

– Tới câu thơ Heo hút cồn mây súng ngửi trời thì không gian mở ra theo một điểm nhìn khác: từ trên cao nhìn xuống. Ở trên cao xuất hiện những cồn mây trắng, không gian hoang sơ, heo hút. Điểm đặc sắc nhất trong câu thơ là hình ảnh nhân hóa súng ngửi trời. Đây là một phép so sánh liên tưởng thú vị, độc đáo. Hình ảnh súng ngửi trời này không chỉ khiến người đọc hình dung ra độ cao địa hình (cao đến tưởng như súng có thể chạm trời, mà cao thì hiểm trở) mà còn thấy được tinh thần lạc quan, trẻ trung của Quang Dũng thông qua sự liên tưởng tình nghịch, thú vị này. Đồng thời, nếu tinh tế ta còn cảm nhận thêm được tầm vóc kì vĩ của người lính giữa thiên nhiên. Người ta thường nói leo ngọn núi này, chinh phục ngọn núi kia. Ở đây, người lính cũng vậy, leo đến đỉnh cao của những ngọn núi: chinh phục thiên nhiên, nâng tầm hình ảnh con người, mà cụ thể ở đây là người lính.

– Điểm nhìn không gian câu thơ này cũng tương tự như câu thơ Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thăm. Nhưng điểm khác biệt là không gian có sự giãn nở và nguy hiểm hơn. Vì nó không còn chỉ là những con dốc nữa mà câu thơ gợi ra địa hình cao thì cao chót vót mà sâu thì sâu hun hút. Để tưởng tượng ra được hình ảnh cụ thể như vậy là nhờ điệp từ ngàn thước và tính từ mang tính chất đối nghịch: lên, xuống. Nhịp thơ (4/3, chia tách hai vế) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc biểu đạt độ cao và chiều sâu của địa hình.

– Câu thơ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi phần nào làm giảm mức độ gay gắt, gân guốc về địa hình qua những câu thơ trên, gợi cảm giác nhẹ nhàng, êm ái. Vì cấu tạo âm điệu của các tiếng đều là thanh bằng, mà thanh bằng vốn gợi âm thanh êm tai. Và còn vì điểm nhìn không gian mở rộng mênh mông, gợi cảm giác mát mẻ với những cơn mưa và gợi sự ấm cúng với mái nhà ai thấp thoáng giữa không gian núi rừng hoang vu. Tuy nhiên, nhìn chung câu thơ này vẫn gợi ra độ cao, chiều rộng của địa hình và sự khắc nghiệt của thiên nhiên – những cơn mưa bất chợt, tạo sự trơn trượt cho chuyển quân hành của những người lính.

Yêu cầu nâng cao: Từ đó liên hệ với khổ thơ sau trong bài thơ Tràng giang để bình luận về quan niệm “thi trung hữu họa” thể hiện trong hai đoạn trích thơ này.

– Quan niệm “thi trung hữu họa” (tức trong thơ có họa/tranh/cảnh) đã chỉ ra một đặc trưng của thơ ca trữ tình là giàu hình ảnh. Nhưng khác với nghệ thuật vẽ, người họa sĩ dùng màu để vẽ tranh còn trong thơ ca, thi sĩ lại dùng chất liệu là ngôn từ để tạo



nên chất “họa” trong thơ. Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa.

– Xét ở góc độ quan niệm “thi trung hữu họa” này thì giữa đoạn trích thơ Tây Tiến (Đốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/.../ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi) và đoạn trích thơ Tràng giang (Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu/.../ Sông dài, trời rộng, bến cô liêu) có điểm tương đồng. Cả hai đoạn trích thơ đều được tác giả vận dụng chất liệu ngôn từ gợi hình để phác họa ra bức tranh thiên nhiên phù hợp với cảm xúc, cảm hứng của mình. Tuy đối tượng cảm hứng của hai đoạn trích thơ này (cả hai bài thơ nói chung) đều là thiên nhiên nhưng cội nguồn cảm hứng lại khác nhau: Một miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, hiểm trở (Tây Tiến), một bên miêu tả không gian bao la, cô quạnh đến rợn ngợp của sông Hồng về chiều.

+ Để phác họa bức tranh thiên nhiên hùng vĩ của núi rừng Tây Bắc, trong đoạn trích thơ này, Quang Dũng vận dụng ngôn từ tạo hình chủ yếu là từ láy (khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút), phép đối (lên – xuống), điệp từ dốc, phép nhân hóa sừng núi trời...

+ Còn bức tranh sông nước cô liêu, hiu hắt nhưng cũng rợn ngợp của Tràng giang cũng được Huy Cận vận dụng chất liệu ngôn từ giàu tính tạo hình như từ láy (Lơ thơ, đìu hiu, chót vót), phép đối (Nắng xuống – trời lên, Sông dài – trời rộng). Ngoài ra những từ ngữ miêu tả không gian rộng như cồn nhỏ, nắng, trời, sông, bến cũng được vận dụng hiệu quả trong việc tạo tác không gian rộng lớn. Cách dùng âm thanh để miêu tả không gian cũng rất hiệu quả: Đâu tiếng làng xa. – Xét về phương diện nghệ thuật, tức là việc vận dụng chất liệu ngôn từ nghệ thuật và phương tiện nghệ thuật (biện pháp nghệ thuật) để tạo hình trong hai khổ thơ có nhiều điểm tương đồng, như việc vận dụng ngôn từ giàu chất tạo hình, phép tương phản.

Đánh giá chung

Nhìn chung, cả hai đoạn trích thơ trên là một trong những đoạn thơ tiêu biểu cho quan niệm “thi trung hữu họa”. Nó không chỉ mang lại một nét đẹp riêng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca mà còn trở thành một thành công trong việc kiến tạo nên bức tranh thiên nhiên vừa đẹp vừa lãng mạn của Việt Nam.



LIÊN HỆ CẢM HỨNG LÃNG MẠN VÀ BI TRÁNG TRONG TÂY TIẾN VÀ TỪ ẤY

Đề bài: Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng. Từ đó liên hệ với “Từ ấy” của Tố Hữu để nhận xét điểm giống và khác nhau về cảm hứng lãng mạn trong mỗi tác phẩm.

+ Giới thiệu vấn đề nghị luận: Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng. Từ đó liên hệ với “Từ ấy” của Tố Hữu để nhận xét về điểm giống và khác nhau về cảm hứng lãng mạn trong mỗi tác phẩm.

+ Giải thích:

– Cảm hứng lãng mạn là gì? Lãng mạn ở đây không có nghĩa xa rời hiện thực, thoát li cuộc sống. Lãng mạn không có nghĩa là phiêu du, bay bổng, chối bỏ hiện tại, như Xuân Diệu từng viết

“Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây”

Lãng mạn là một khuynh hướng thẩm mỹ, hướng tới những cái cao cả, phi thường, tốt đẹp trong cuộc sống. Nhờ vậy cảm hứng lãng mạn cho con người niềm tin, nghị lực, sự lạc quan vượt qua khó khăn gian khổ, hướng về tương lai. Trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng cảm hứng lãng mạn thể hiện ở cái “tôi” tràn đầy cảm xúc của tác giả. Nó còn được thể hiện ở phong cảnh thiên nhiên với vẻ đẹp đa dạng độc đáo, thể hiện ở hình tượng người lính Tây Tiến vừa hào hùng, hào hoa, đầy chất nghệ sĩ.

Cảm hứng lãng mạn thường tìm tới yếu tố cường điệu, thủ pháp tương phản, đối lập, ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu với những cách diễn đạt độc đáo. – Tinh thần bi tráng: “Bi” là buồn, “tráng” là tráng lệ, hào hùng. Tinh thần bi tráng có nghĩa là không né tránh khi nói đến những gian khổ, hi sinh, mất mát. Những hi sinh mất mát ấy thường được thể hiện bằng giọng điệu rắn rỏi, bằng âm hưởng hào hùng, bằng hình ảnh tráng lệ. Bi tráng là buồn đau nhưng không ủy mị, không yếu đuối mà trái lại rất dũng cảm, kiêu hùng.

Nét độc đáo của “Tây Tiến” là cảm hứng lãng mạn kết hợp và hòa quyện với tinh thần bi tráng tạo nên những hình tượng nghệ thuật sống mãi với thời gian.

+ Cảm hứng lãng mạn thể hiện qua:



– Cái “tôi” tràn đầy cảm xúc và phát huy cao độ trí tưởng tượng. Cái “tôi” Quang Dũng đã đi đến tận cùng, đã sống hết mình với đoàn quân Tây Tiến. Đó là một cái “tôi” nhạy cảm, dễ rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên; bắt rất nhạy với chất lãng mạn, mộng mơ trong tâm hồn những chàng trai Tây Tiến, những thú vui tinh thần trên con đường hành quân đầy gian khổ của họ.... Bằng cái “tôi” tràn đầy cảm xúc ấy Quang Dũng đã dẫn dắt người đọc hòa nhập vào cảm xúc của mình với nỗi nhớ chơi vơi. Những kỷ niệm ủa về như những đợt sóng, ký ức vẫn còn đậm sâu như chưa hề phai nhạt.

– Cảm hứng lãng mạn còn thể hiện qua những cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng miền Tây; tâm hồn lạc quan, hào hoa, đầy chất nghệ sĩ của những chiến binh Tây Tiến.

– Cảm hứng lãng mạn được thể hiện bằng những yếu tố nghệ thuật đặc trưng: Thủ pháp tương phản, đối lập. Hệ thống ngôn từ giàu tính tạo hình, biểu cảm. Chất họa, chất nhạc, chất thơ ôm quện vào nhau rất đổi tinh tế.

+ Tinh thần bi tráng thể hiện qua chân dung của những người lính ốm mà không yếu; cực khổ nhưng không tiêu tụy; cái chết với các anh chỉ là sự quên đời; sự hi sinh của các anh được sang trọng, thiêng liêng hóa, cái chết ấy đã hóa thành bất tử.

+ Đánh giá: Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng kết hợp hòa quện trong nhau tạo nên vẻ đẹp độc đáo của “Tây Tiến”. Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng bắt nguồn từ cái “tôi” hào hoa thanh lịch của Quang Dũng. Đây cũng là một đặc điểm của văn học 1945-1975.

+ Liên hệ với bài thơ “Từ ấy” của Tố Hữu để nhận xét điểm giống và khác nhau ở cảm hứng lãng mạn.

– Điểm giống: Cảm hứng lãng mạn trong hai bài thơ đều thể hiện ở cái tôi tràn đầy cảm xúc, hướng tới lẽ sống, lí tưởng cao đẹp của thời đại; vẻ đẹp lãng mạn trong tâm hồn con người.

– Điểm khác: Cảm hứng lãng mạn ở “Tây Tiến” gắn với tinh thần bi tráng. Quang Dũng đã sống một thời trận mạc, gian lao cùng đoàn quân Tây Tiến; đã chứng kiến những hi sinh, mất mát của đồng đội mình. Vì thế những vần thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn vẫn thấm những nỗi buồn đau, nhưng không bi lụy, yếu đuối, ủy mị. Cảm hứng lãng mạn trong trẻo trong “Từ ấy” bắt nguồn từ cảm xúc hân hoan, vui sướng của một tâm hồn trẻ trung, lần đầu tiên bắt gặp ánh sáng lí tưởng của Đảng.

– Lí giải về sự khác nhau: Do hoàn cảnh ra đời, do đặc điểm phong cách tác giả.



+ So sánh mở rộng: Không chỉ “Từ ấy”, “Tây Tiến”, những tác phẩm văn học 1945-1975 ra đời trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, thường mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

SO SÁNH TÂY TIẾN VÀ ĐÂY THÔN VĨ DẠ

So sánh hai đoạn thơ sau

"Mơ khách đường xa khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà"

(Trích Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử)

và

"Người đi châu mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"

(Trích Tây Tiến – Quang Dũng)

Gợi ý làm bài

1. Mở bài

Giới thiệu hai đối tượng được so sánh (Nếu như là mở bài gián tiếp thì cần thêm bước dẫn dắt đầu tiên): Đoạn trích trong Tây Tiến của Quang Dũng cũng như đoạn trích Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử

2. Thân bài

◆ Về Tây Tiến

- Giới thiệu khái quát vài nét về tác phẩm, vị trí đoạn trích và tác giả



- Làm sáng rõ đoạn trích trong Tây Tiến (cần vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận nhưng chủ yếu là vận dụng thao tác phân tích): Đoạn thơ miêu tả cảnh sông nước miền Tây hoang sơ nhưng cũng rất thơ mộng

+ Âm điệu: nhịp nhàng, trữ tình, tha thiết ~> kỉ niệm êm đềm

+ Không gian: chiều sương ảm đạm ~> không gian huyền ảo, lung linh

+ Nhân hóa hồn lau: lau sậy cũng không còn vô tri vô giác mà nó như có hồn tạo thành hồn riêng trong chiều sương Châu Mộc

+ Hình ảnh nổi bật trên dòng sông huyền thoại cổ tích là hình dáng mềm mại, uyển chuyển của con người trên chiếc thuyền độc mộc

+ Hòa hợp với hình ảnh con người là bông hoa rừng: bằng cảm nhận tinh tế, tác giả gọi được cả cái đong đưa duyên dáng tình tứ của bông hoa trên dòng nước lũ. Hai nét vẽ về con người và thiên nhiên trong đoạn thơ đều chứa đựng linh hồn của vạn vật, những hình ảnh ấy chỉ có ở người nghệ sĩ tài hoa như Quang Dũng với cặp mắt đa tình mới bộc lộ hết được

♪ Đoạn thơ như đưa người đọc được sống dậy cùng Tây Tiến giữa cảnh sông nước miền Tây – bức tranh thiên nhiên con người mỹ lệ, thơ mộng hài hòa qua nét vẽ tinh tế của nhà thơ. Không phải là những dốc cao vực sâu, ghềnh thác thú dữ như đoạn thơ đầu, vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây được gọi lên từ những chi tiết và hình ảnh mang cái bình yên thi vị, cái duyên dáng và tình tứ của thiên nhiên núi rừng. Một làn sương mỏng băng khuâng buổi chiều nơi Châu Mộc mà Chế Lan Viên cũng từng nhắc về một kỉ niệm về Tây Bắc:

“Nhớ bản sương giăng nhớ đèo mây phủ

Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương”

Hay những bông hoa lau phất phơ trong gió nhẹ, cánh hoa rừng đong đưa trên dòng nước lũ, chỉ với những nét vẽ ấy cảnh vật hiện lên như có linh hồn, có sức sống, vẻ thanh bình thơ mộng chính là cái thần của bức tranh. Nổi bật giữa cái nền của thiên nhiên thi vị ấy là hình ảnh con người của Quang Dũng lại gọi nhiều liên tưởng: “ Có thấy dáng người trên độc mộc” Người đọc có thể cảm nhận vẻ đẹp thanh tú mềm mại, duyên dáng uyển chuyển của cô gái Thái trên thuyền độc mộc cũng có thể tìm thấy ở đó là một nét khỏe khoắn, tư thế hùng dũng của chàng trai trong tư thế chủ động làm chủ thiên nhiên núi rừng. Dù hiểu theo cách nào cũng không làm mất đi cái vẻ đẹp thơ mộng hài hòa của bức tranh thiên nhiên, con người nơi đây. Cảm xúc thi nhân là nỗi nhớ da diết mãnh liệt tràn chảy không ngừng. Từ những câu thơ ở



đoạn đầu “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”, “Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói” thì ở đây ta bắt gặp các từ “có thấy”, “có nhớ” tạo nên âm điệu của tiếng lòng. Nhà thơ vừa như hỏi vừa như gợi nhắc về chính những kỉ niệm đã qua trong lòng mình. Buổi chiều sương Châu Mộc thực sự đã trở thành kí ức đẹp để đã không thể nào quên được

♦ Về Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm, vị trí đoạn trích và tác giả
- Làm sáng rõ đoạn trích cuối bài Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử: Đoạn thơ bộc lộ cảm xúc trực tiếp của Hàn Mặc Tử

+ Mơ:

- Sự mộng tưởng không có thực
- Mơ khách đường xa (2 lần) mong muốn, hi vọng có người đến thăm

~> Không thành hiện thực: tuyệt vọng

+ Áo em trắng quá nhìn không ra: Hình ảnh cô gái hiện lên không rõ ràng, càng cố gắng nắm bắt thì càng không thể

~> Nỗi buồn dâng lên đến đỉnh điểm

+ Ở đây: nơi Hàn Mặc Tử đang sống cô độc, nỗi đau bệnh tật và tuyệt vọng đối lập với ngoài kia (thôn Vĩ) với cuộc sống tươi đẹp

+ Ai biết tình ai có đậm đà?

- Đại từ phiếm chỉ "ai" (4 lần) không xác định rõ ràng
- Câu hỏi khép lại bài thơ: Bộc lộ nỗi băn khoăn của thi sĩ, không biết tình cảm mọi người dành cho Hàn Mặc Tử còn đậm đà còn sâu sắc?

~> Hàn Mặc Tử vẫn khao khát được sống, được giao cảm, chia sẻ đau buồn

♪ Đoạn thơ mỗi ngày một khắc khoải, điệp từ “khách đường xa” được lặp lại mang nỗi buồn mênh mang sâu lắng. Phải chăng đó là người khách mà nhà thơ hằng mong đợi thấp thỏm, nơi gửi gắm tình yêu, khát vọng. Nếu ở khổ thơ trước xứ Huế đẹp thơ mộng ở cấu trúc nhà vườn xinh xắn, ở hàng cao cao vút vươn mình đón ánh nắng ban mai, đẹp ở dòng sông Hương lặng lẽ yên bình trôi, ở dòng sông trắng lung linh huyền ảo thì đến với khổ thơ cuối, Huế hiện ra tha thiết duyên dáng trong hình ảnh cô gái áo trắng tinh khôi. Tuy nhiên trong hoàn cảnh của nhà thơ nỗi đau cả về thể xác lẫn tinh thần đã khiến cho ý thức, cảm nhận về thời gian không gian trở nên nhạt



dần, nhòe dần đi. Từ bức tranh rõ đến cả đường nét, màu sắc ánh sáng ở những khổ đầu thì bức tranh xứ Huế ở đây như đang tan dần vào cõi mộng. Từ “mơ” như khẳng định dưới cái nhìn của Hàn Mặc Tử hình ảnh xứ Huế chỉ còn là ảo ảnh. Cô gái Huế trong tà áo trắng sương khói nhạt nhòa, xứ Huế mộng mơ xứ Huế mơ mộng... tất cả như hòa tan trong nhau như thật khó xác định. Câu thơ cuối lại cháy lên một niềm khao khát cũng là nỗi băn khoăn day dứt trong câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà?”. Đại từ phiếm chỉ “ai” khiến độc giả trở nên mơ hồ, liệu đó có phải cô gái tác giả thầm thương hay là Hàn Mặc Tử, những người dân xứ Huế nơi thôn Đoài? Tuy nhiên vượt lên trên uẩn khúc của thể giới hư ảo, nỗi đau đớn tuyệt vọng đến tột cùng là chữ tình tha thiết sâu nặng. Đó là tất cả những tình cảm đáng trân trọng của con người trong cuộc đời này. Từ láy “đậm đà” khép lại bài thơ, khép lại một cuộc đời, một mối tình để lại âm hưởng, dư ba trong lòng người đọc.

♦ So sánh nét tương đồng và điểm khác biệt giữa hai đối tượng trên hai bình diện: nội dung và hình thức nghệ thuật (sử dụng chủ yếu thao tác phân tích và so sánh)

- Điểm tương đồng:

- + Cả hai đoạn thơ đều là cái nhìn đầy tình cảm của cái tôi trữ tình về thiên nhiên, con người nơi mình từng gắn bó sâu nặng
- + Cái tôi lãng mạn đã vẽ nên khung cảnh lung linh, huyền ảo đầy thơ mộng
- + Qua hai đoạn thơ, ta nhận thấy rõ sự tài hoa của tác giả

- Điểm khác biệt:

- + Đoạn thơ về Tây Tiến cho thấy được nỗi nhớ da diết về sông nước miền Tây và kỉ niệm đời lính thời chiến
- + Đoạn thơ về Đáy thôn Vĩ Dạ lại cho thấy những tâm trạng giằng xé và tình cảm sâu nặng của Hàn Mặc Tử dành cho nơi thôn Vĩ mộng mơ- nơi có cô gái thầm thương

♦ Lí giải sự tương đồng và khác biệt:

- + Quang Dũng và Hàn Mặc Tử đều là những nhà thơ tài hoa, lãng mạn
- + Ở Quang Dũng đó là một nghệ sĩ đa tài gắn liền với thời chiến nói chung và đoàn binh Tây Tiến nói riêng cùng phong cách thơ phóng khoáng, tinh tế, lãng mạn và hào hoa
- + Ở Hàn Mặc Tử: đó là một hiện tượng thơ kì lạ bậc nhất của phong trào thơ mới, là hồn thơ đan xen tinh khiết trong sáng và những hình ảnh ma quái cuồng loạn. Hơn



thể nữa, trong hoàn cảnh Hàn Mặc sáng tác bài thơ là sự đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần vì bệnh tật

~> Chính hoàn cảnh riêng biệt của mỗi nhà thơ làm nên sự khác biệt cho mỗi tác phẩm để lại những dư vị khác nhau trong lòng độc giả

3. Kết bài

- Khát quát những nét giống và khác nhau tiêu biểu
- Nêu những suy nghĩ của bản thân
- + Mỗi đoạn thơ cho thấy được tài năng của Hàn Mặc Tử và Quang Dũng
- + Nó cũng cho ta thấy được vẻ đẹp của hai con người trong những hoàn cảnh khác nhau làm nên phong cách nghệ thuật – vị thế đứng của mỗi nhà thơ trên thi đàn văn học Việt Nam, góp phần làm phong phú cho kho tàng thơ ca Việt Nam.